TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HS – ST
Ngày 05 – 8 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền

2. Ông Nguyễn Anh Ngọc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Khổng Sơn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 02/02/1985; Tại Bình Thuận; Thường trú: Tổ E, khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nay là Tổ E, khu phố E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Không có nơi cư trú rõ rang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc N và bà Đặng Thị Đ; Anh chị em có 01 người sinh năm 1993; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ 24/01/2025, có mặt.

Bị hại: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: 8 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thùy L1, sinh năm 1980; Thường trú: G T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở: 5 C, Phường C, Quận C, nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2023, Phạm Thị Ngọc L nhờ chị Trần Thị Thùy L1 là bạn của L, mượn giúp L số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh cửa hàng bún bò tại địa chỉ số G T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thì chị L1 đồng ý. Sau đó, chị L1 đã liên hệ với bà Hồ Thị H để cho L vay số tiền 200.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng, thời gian vay là 02 tháng.

Đến khoảng tháng 12/2023, L đã nhờ chị L1 trả cho bà H số tiền 120.000.000 đồng, bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 100.000.000 đồng tiền gốc L không trả được nữa nên đã cùng với chị L1 đến phòng trọ của bà H tại địa chỉ 8 L, phường T, quận T để gặp bà H xin tiếp tục vay số tiền trên thì bà H đồng ý và không lấy lãi.

Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 12/3/2024, L trả thêm cho bà H được 9.000.000 đồng tiền gốc, số tiền L còn phải trả cho bà H là 91.000.000 đồng, nhưng do L chậm trả nợ nên bà H đã nhiều lần yêu cầu L trả lại tiền.

Sau đó, do L không còn kinh doanh cửa hàng B, không có tiền, nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H bằng cách lên mạng xã hội Facebook của 01 đối tượng không rõ lai lịch để đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1985, thường trú: Tổ E, Khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, địa chỉ thửa đất Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, đề ngày 31/8/2022 với giá 1.000.000 đồng. 01 nhân viên giao hàng công nghệ đã tài liệu đã chuyển tài liệu giả, đến cho L và L đã đưa tiền mặt cho nhân viên trên.

Ngày 15/3/2024, Phạm Thị Ngọc L cùng với chị Trần Thị Thùy L1 đến gặp bà Hồ Thị H tại địa chỉ 8 L, phường T, quận T, để xin thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với Đất" (giả) số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, để vay thêm 150.000.000 đồng của bà H thì bà H đồng ý, lúc này L viết giấy mượn tiền với 02 khoản tiền gồm 200.000.000 đồng, thời gian vay là từ ngày 15/3/2024 đến 15/3/2025, còn 50.000.000 đồng, thời gian vay từ từ ngày 15/3/2024 đến 15/7/2025.

Sau đó, bà Hồ Thị H đã đưa cho L 100.000.000 đồng tiền mặt và sử dụng tài khoản số 0441000754056 mang tên Hồ Thị Hồng M tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản số 0441000740216 mang tên Trần Thị Thùy L1 mở tại Ngân hàng V để chị L1 đưa cho L.

Đến ngày 22/3/2024, bà H tiếp tục chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản số 103869167028 mang tên Phạm Thị Ngọc L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 (V1). Sau khi nhận tiền, để bà H tin tưởng, sau khi lấy được tiền, từ ngày 31/3/2024 đến ngày 17/6/2024, Phạm Thị Ngọc L đã chuyển cho bà Hồ Thị H số tiền 26.000.000 đồng, bao gồm 11.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi, sau đó L đã tắt điện thoại, chuyển nơi ở, số tiền chiếm đoạt được L đã tiêu xài hết.

Do không tìm được L, nên bà Hồ Thị H đã đến Công an phường T trình báo vụ việc. Quá trình truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đưa Phạm Thị Ngọc L về làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Kết luận giám định số 2130/KL-KTHS ngày 10/02/2025, của Phòng K, Công an Thành phố H, kết luận:

"01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với Đất" số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, đề ngày 31/8/2022 (ký hiệu A) là giả (bản in, hình dấu tròn được làm bằng phương pháp in phun màu, chữ ký giả được ký trực tiếp)". (Bút lục số 546)

Kết luận giám định số 7429/KL-KTHS ngày 09/6/2025, của Phòng K, Công an Thành phố H, kết luận:

"1. Chữ viết họ tên Phạm Thị Ngọc L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Phạm Thị Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phạm Thị Ngọc L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Phạm Thị Ngọc L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu ở mục II.2) có phải do cùng một người ký ra hay không". (Bút lục số 539)

Công văn số 256/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 11/02/2025, của Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cho biết: "Hồ sơ lưu trữ đất đai của C nhành Văn phòng Đ1 không có thông tin về việc đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở với tài sản khác gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận có số vào sổ CS 24570 mang tên Phạm Thị Ngọc L tại thửa đất số: 216, tờ bản đồ số: 89, diện tích: 185,3 m2, địa chỉ đất tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận...".

Vật chứng thu giữ:

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với Đất" số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, đề ngày 31/8/2022, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 512).

+ 01 giấy mượn tiền đề Phạm Thị Ngọc L có mượn tiền của Hồ Thị H, không đề ngày, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 538).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bà Hồ Thị H yêu cầu Phạm Thị Ngọc L bồi thường số tiền 230.000.000 đồng.

Cáo trạng số 206/CT-VKS-KV9 ngày 27 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Thị Ngọc L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Phạm Thị Ngọc L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc L mức án từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 năm đến 10 năm tù. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình nên mong Hội đồng xét xử xem xét một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội sửa sai làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trongquá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyđịnh của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáokhông có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tốtụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 15/3/2024 tại địa chỉ 8 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Thị Ngọc L đã sử dụng giấy tờ giả là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, để cầm cố của bà Hồ Thị H, nhằm chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của Phạm Thị Ngọc L phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thuộc trường hợp *"Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm nghiêm trọng"*; Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" của bà Hồ Thị H do mỗi lần cho Phạm Thị Ngọc L vay tiền, bà H chỉ thu lãi suất 5%/tháng (60%/năm) chưa vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) đồng thời số tiền thu lợi là 23.333.334 đồng, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã có Công văn số 15022/VPCQCSĐT-Đ2 ngày 20/6/2025 đề nghị lập hồ sơ, ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với bà Hồ Thị H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Trần Thị Thùy L1 không biết Phạm Thị Ngọc L sử dụng giấy tờ giả để chiếm đoạt tiền của bà Hồ Thị H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý là có cơ sở.

Đối với đối tượng làm giả tài liệu trong vụ án, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đang tiếp tục truy xét, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một hình phạt thật nghiêm khắc nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, đề ngày 31/8/2022 và 01 giấy mượn tiền đề Phạm Thị Ngọc L có mượn tiền của Hồ Thị H, không đề ngày hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án thì tiếp tục lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị H yêu cầu Phạm Thị Ngọc L bồi thường số tiền 230.000.000 đồng. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thoả thuận tự nguyện của các bị cáo, không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341 Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc L 05 (năm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2025.

2. Căn cứ vào Điều 106, Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu trữ cùng hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CR683744, số vào sổ cấp GCN CS24570, họ tên Phạm Thị Ngọc L, đề ngày 31/8/2022 và 01 giấy mượn tiền đề Phạm Thị Ngọc L có mượn tiền của Hồ Thị H, không đề ngày.

3. Buộc bị cáo trả cho bà Hồ Thị H số tiền 230.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tai phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

6. Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Chí Hòa - phân trại tạm giam khu vực Tân Phú;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Duy